

Xa



くるま



シャ





Xe ô tô

でんしゃ電車

Tàu điện

じどうしゃ自動車

Xe ô tô, xe hơi

じてんしゃ自転車

Xe đạp

ちゅうしゃじょう

駐車場

Bãi đỗ xe





Vận



はこ・ぶ



ウン



運びます

Vận chuyển

うんてん

運転します

Lái xe

ラんてんしゅ

Người lái xe

うんどう

運動します

Vận động

うんどう かい

運動会

Hội thi thể thao







Nhẹ

Khinh



かる・い、

かろ・やか



ケイ





重い

Nặng

Trọng

訓おも・い、

かさ・ねる

音 ジュウ、 チョウ

